

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 491/SXD.QHKT ngày 24/02/2023 về việc thẩm định nhiệm vụ và dự toán quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính như sau:

1. Tên hồ sơ: Nhiệm vụ và dự toán quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Kỳ Sơn.

3. Phạm vi ranh giới, diện tích và thời hạn lập quy hoạch:

3.1. Phạm vi ranh giới: Toàn bộ diện tích thuộc ranh giới hành chính huyện Kỳ Sơn. Cụ thể các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp: Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào;

- Phía Nam giáp: Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào;
- Phía Đông giáp: Huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An;
- Phía Tây giáp: Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

3.2. *Diện tích lập quy hoạch:* 2.092,64507 km².

3.3. *Thời hạn lập quy hoạch:* Thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Quan điểm, mục tiêu, tính chất chức năng và nhiệm vụ của đồ án:

4.1. Quan điểm:

- Quy hoạch vùng huyện Kỳ Sơn định hướng phát triển thống nhất về không gian, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn kết chặt chẽ với các địa phương trong vùng như các huyện Tương Dương, Con Cuông; phát triển hài hòa giữa các vùng đô thị và nông thôn. Tôn trọng tự nhiên, ứng phó với các vấn đề về biến đổi khí hậu để đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Sơn góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh vững chắc.

4.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Nghệ An đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 4566/QĐ.UBND-CN ngày 12/11/2007; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Kỳ Sơn lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Quy hoạch tỉnh Nghệ An (đang hoàn thiện đồ án).

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Sơn nhằm phát huy vị thế và sức mạnh tổng hợp của huyện trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với các định hướng bền vững, khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội và ngoại vùng. Trong đó tập trung vào các thế mạnh lâm nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, thương mại dịch vụ và du lịch sinh thái.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch các khu chức năng (lâm nghiệp, du lịch - dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao,...) làm tiền đề thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn huyện Kỳ Sơn. Đồng thời, bảo vệ môi trường thích ứng và chống chịu biến đổi khí hậu. Giữ gìn di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và phát triển bản sắc văn hóa địa phương.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện Kỳ Sơn đạt chuẩn nông thôn mới vào giai đoạn tới.

4.3. Nhiệm vụ:

- Đánh giá tổng hợp hiện trạng và các nguồn lực phát triển vùng kinh tế, lao động, dân cư, đất đai. *✓*

- Đề xuất cấu trúc không gian vùng huyện với các trục liên kết hệ thống đô thị, trung tâm cụm xã, hệ thống điểm dân cư nông thôn, gắn kết với các hành lang kinh tế, trục phát triển kinh tế và các trung tâm kinh tế huyện và khu vực. Bổ sung và khớp nối các dự án đã và đang thực hiện trên phạm vi địa bàn.

- Đề xuất phát triển hệ thống đô thị, các khu dân cư nông thôn tập trung trên cơ sở khai thác lợi thế riêng của huyện Kỳ Sơn về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lâm nghiệp thúc đẩy phát triển đa dạng ngành kinh tế.

- Đề xuất phân bố không gian phát triển nông nghiệp, xây dựng công nghiệp, du lịch - dịch vụ, hệ thống hạ tầng xã hội, tổ chức phát triển giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo phát triển bền vững đô thị và nông thôn.

- Đối với khu vực nông thôn: Đảm bảo thực hiện những quan điểm chủ đạo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nghiên cứu các mô hình đặc trưng cho khu vực nông thôn huyện Kỳ Sơn theo mô hình “làng quê đáng sống”.

5. Tính chất, chức năng:

- Là vùng kinh tế đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Nghệ An và vùng kinh tế miền Tây của tỉnh với tiềm năng phát triển các ngành nông, lâm nghiệp (các cây dược liệu, cây chè năng suất cao, chế biến lâm sản) và du lịch sinh thái, thương mại gắn với phát triển cửa khẩu Nậm Cắn.

- Là khu vực phát triển hài hòa các mục tiêu kinh tế, văn hóa, môi trường và đảm bảo quốc phòng an ninh.

6. Các chỉ tiêu chính dự kiến của đồ án:

6.1. Quy mô dân số:

- Quy mô dân số hiện trạng (năm 2021) là 81.519 người.

- Dự báo quy mô dân số:

+ Đến năm 2030 khoảng: 90.000 - 95.000 người;

+ Đến năm 2050 khoảng: 105.000 - 115.000 người.

6.2. Tỷ lệ đô thị hóa:

- Hiện trạng: Tỷ lệ đô thị hóa năm 2021 khoảng 3,73%;

- Đến năm 2030: Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 8 - 10%;

- Đến năm 2050: Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 17 - 19%.

6.3. Quy mô đất đai xây dựng đô thị:

- Đến năm 2030: Đất xây dựng đô thị tăng khoảng 50,0 - 70,0 ha;

- Đến năm 2050: Đất xây dựng đô thị tăng khoảng 180,0 - 200,0 ha.

6.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản áp dụng:

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật về hạ tầng xã hội, kỹ thuật trong các khu vực tập trung (đô thị, trung tâm cụm xã) thuộc huyện Kỳ Sơn theo tiêu chí đô thị loại V.

- Đối với các khu dân cư nông thôn tối thiểu đáp ứng các tiêu chí về nông thôn mới do Chính phủ ban hành.

- Một số chỉ tiêu chính về phát triển kinh tế - xã hội được xác định phù hợp theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Kỳ Sơn đã được duyệt.

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật được lấy theo QCVN 01:2021 BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH về phân loại đô thị, các chỉ tiêu cơ bản chủ yếu như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QH đến năm 2030	QH đến năm 2050
I	Chỉ tiêu về đất đai			
1	Đất xây dựng đô thị	m ² /người	130	100
2	Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn	m ² /người	200	250
II	Chỉ tiêu về hạ tầng xã hội			
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân (sàn/người)	m ²	≥ 29	26,5
2	Đất dân dụng	m ² /người	78	61
III	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật về đô thị			
1	Giao thông			
-	Đất giao thông so với đất xây dựng	%	11 - 18	≥ 18
-	Mật độ đường giao thông	km/km ²	6 - 10	≥ 10
-	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	5 - 13	≥ 13
2	Cấp nước			
-	Cấp nước sinh hoạt	l/ng.ngđ	120 - 130	≥ 130
-	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch hợp vệ sinh	%	90 - 100	100
3	Thu gom nước thải và VSMT			
-	Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt	%	90	≥ 90
-	Tỷ lệ thu gom nước thải CN	%	100	100
-	Tỷ lệ thu gom Chất thải rắn	%	≥ 97	100
-	Lượng chất thải phát sinh	kg/ng/ngày	1	≥ 1,3
4	Cấp điện			
-	Cấp điện sinh hoạt	w/người	250	≥ 350
-	Điện công trình công cộng (tính bằng tỷ lệ % của phụ tải điện sinh hoạt)	%	30	≥ 30
IV	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật về nông thôn			
1	Giao thông			
-	Đất giao thông so với đất xây dựng	%	11 - 16	≥ 16
-	Mật độ đường giao thông	km/km ²	6 - 8	≥ 8
-	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	5 - 7	≥ 7
2	Cấp nước			

-	Cấp nước sinh hoạt	l/ng.ngđ	100	≥ 100
-	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch hợp vệ sinh	%	90	100
3	Thu gom nước thải và VSMT			
-	Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt	%	85	≥ 85
-	Tỷ lệ thu gom nước thải CN	%	100	100
-	Tỷ lệ thu gom Chất thải rắn	%	≥ 80	100
-	Lượng chất thải phát sinh	kg/ng/ngày	0,8	≥ 1,0
-	Cấp điện sinh hoạt	w/người	250	≥ 330
-	Điện công trình công cộng (tính bằng tỷ lệ % của phụ tải điện sinh hoạt)	%	30	≥ 30

Quá trình lập quy hoạch sẽ xác định cụ thể các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật dự kiến, đảm bảo phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, có cân đối cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển của khu vực.

7. Các yêu cầu trong quá trình lập đồ án quy hoạch:

7.1. *Quan điểm chung:* Triển khai song song và cập nhật số liệu, định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh Nghệ An (đang hoàn thiện); Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kỳ Sơn.

7.2. *Đánh giá tổng quan thực trạng và nguồn lực phát triển:*

- Phân tích vị trí địa lý, đặc điểm địa hình, địa chất, khí hậu, thủy văn, các vấn đề ảnh hưởng biến đổi khí hậu.

- Về hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn: Xác định đặc điểm phân bố, quá trình phát triển, tốc độ và xu hướng đô thị hóa, các vấn đề cần khắc phục hạn chế, phát huy lợi thế, tiềm năng.

- Về hệ thống hạ tầng kinh tế: Phân tích hệ thống hạ tầng kinh tế về công nghiệp, dịch vụ, nông lâm nghiệp, quá trình chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu phát triển đối với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

- Về hệ thống hạ tầng xã hội: Phân tích đặc điểm phân bố, số lượng, quy mô và các kế hoạch phát triển đối với hệ thống hạ tầng xã hội, xác định các nhu cầu phát triển và kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực có liên quan.

- Về công tác rà soát, đánh giá chương trình, quy hoạch và dự án: Đánh giá thực trạng các chương trình, quy hoạch và dự án tại các khu đô thị và nông thôn trên địa bàn huyện Kỳ Sơn và khu vực liên quan để đưa ra các giải pháp khớp nối, điều chỉnh phù hợp với định hướng quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành.

- Đánh giá tổng quan thực trạng và nguồn lực phát triển của vùng huyện Kỳ Sơn, đồng thời phải phân tích, đặt trong tổng thể phát triển của quy hoạch tỉnh Nghệ An (đang hoàn thiện).

- Xác định các vấn đề giải quyết của thực trạng phát triển: *w*

+ Trên cơ sở tài liệu thu thập và nội dung phân tích đánh giá tổng quan thực trạng phát triển, tổ chức nghiên cứu đánh giá chung về các vấn đề hiện trạng cần giải quyết, các ưu điểm cần phát huy, các nhược điểm cần khắc phục và lựa chọn vấn đề cần phải tập trung giải quyết trong đồ án.

+ Phân tích, rà soát các thông tin, nghiên cứu các quy hoạch liên quan như: Quy hoạch tỉnh Nghệ An (đang hoàn thiện), quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Nghệ An và huyện Kỳ Sơn,... Cần thiết để đưa ra các đề xuất để kịp thời lồng ghép, khớp nối đồng bộ, phù hợp với các đồ án.

7.3. Về định hướng phát triển không gian vùng:

a) Phân vùng chức năng phát triển:

Việc phân vùng phát triển phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với điều kiện địa hình;
- Thuận lợi trong kết nối giao thông, hạ tầng kỹ thuật;
- Phù hợp với định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và khu chức năng chính;
- Trong từng phân vùng phải lựa chọn các trọng tâm, chức năng chính làm động lực phát triển cho vùng như: Đô thị, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp...;

Tùy điều kiện thực tế để phân vùng phát triển hợp lý (có thể nghiên cứu phân thành 02 đến 03 vùng phát triển). Số lượng các vùng phát triển sẽ được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch.

b) Định hướng phát triển không gian vùng:

- Đề xuất tổ chức không gian đô thị, phân cấp đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, chức năng và quy mô các đô thị theo vùng và khu vực. Trong đó trọng tâm là thị trấn huyện lỵ Mường Xén và định hướng trong mỗi phân vùng sẽ quy hoạch điểm đô thị làm trung tâm phát triển cho vùng nhằm khai thác, phát huy các tiềm năng lợi thế của khu vực về phát triển du lịch sinh thái, chế biến nông, lâm sản.

- Đề xuất hệ thống không gian các khu chức năng, cụ thể về quy mô, loại hình, ưu tiên chế biến lâm sản, dịch vụ nông nghiệp, bố trí các khu vực cần gắn với các địa bàn đô thị, trung tâm cụm xã, nông thôn, vùng sản xuất nông - lâm nghiệp,... đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách ly an toàn, bảo vệ môi trường.

- Rà soát, xem xét sự hình thành của các trung tâm cụm xã trong định hướng tình hình mới về phát triển nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch,... đặc biệt đối với các xã đã có quy hoạch được duyệt để xác lập những yêu cầu cần thiết của việc điều chỉnh quy hoạch.

- Rà soát quy hoạch trên địa bàn huyện, các điểm dân cư tập trung có khả năng đô thị hóa, các đô thị mới có khả năng hình thành trên địa bàn huyện.

- Đề xuất mô hình nông thôn mới, các khu tái định cư phục vụ các dự án động lực, quy mô lớn.

7.4. Định hướng quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật vùng:

a) Giao thông:

- Cập nhật, dự báo nhu cầu vận tải hành khách, hàng hóa, nghiên cứu các

chiến lược vận tải vùng tỉnh và khu vực để đề xuất chiến lược phát triển mạng lưới giao thông vùng huyện Kỳ Sơn.

- Đề xuất giải pháp phát triển hạ tầng giao thông đáp ứng nhu cầu giao thông phù hợp với cấu trúc phát triển không gian vùng huyện Kỳ Sơn, khai thác phù hợp các tác động trong tương lai của hệ thống Quốc lộ 7, Quốc lộ 16, đường tỉnh 543 và hệ thống đường huyện, xã đảm bảo sự kết nối phù hợp với các khu vực trên địa bàn huyện.

- Xây dựng các trục hành lang, trục liên kết nhằm thúc đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của vùng huyện. Nghiên cứu hệ thống giao thông chính đô thị khu vực thị trấn Mường Xén, hệ thống giao thông chính trong các khu đô thị và các khu vực nông thôn trong huyện; xem xét yêu cầu bảo vệ và sử dụng các tuyến đường đối ngoại đi qua đô thị và các khu vực dân cư nông thôn.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Đề xuất các giải pháp khai thác quỹ đất xây dựng trên cơ sở bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên, đáp ứng được các điều kiện kỹ thuật, đảm bảo an toàn, giữ được bản sắc địa hình mỗi vùng. Ưu tiên các giải pháp khai thác quỹ đất xây dựng từ những quỹ đất còn hoang hóa, hạn chế chuyển đổi, có các biện pháp bảo vệ đất nông nghiệp, đặc biệt các vùng, khu vực đất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

- Đề xuất các giải pháp phòng tránh các tai biến tự nhiên, các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát lũ, phát triển hệ thống thủy lợi đầu mối, đê, đập, xây dựng hồ điều tiết lũ,... cung cấp nước cho sinh hoạt công nghiệp, nông nghiệp và đặc biệt là đáp ứng yêu cầu phân lũ, thoát lũ trong vùng.

c) Cấp nước:

- Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị và trung tâm cụm xã. Bảo vệ, phát huy hệ thống sông Nậm Mộ, khai thác cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp và dịch vụ đô thị.

- Xác định rõ nguồn cấp nước cho phát triển đô thị và công nghiệp và các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, hồ đập thủy lợi, kiểm soát khai thác nguồn nước ngầm phục vụ sinh hoạt sản xuất.

d) Cấp điện và thông tin liên lạc:

- Dự báo bổ sung nhu cầu phụ tải điện, bao gồm: Phụ tải điện sinh hoạt, điện công trình công cộng, điện sản xuất,... điều chỉnh lưới truyền tải và phân phối điện theo nhu cầu phụ tải mới. Xác định nguồn điện cho sinh hoạt và sản xuất.

- Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo, thân thiện môi trường như năng lượng mặt trời. Đề xuất cơ chế sử dụng, thu mua các nguồn năng lượng sạch.

e) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Dự báo, điều chỉnh bổ sung, công suất, quy mô của các trạm xử lý nước,

trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị theo các giai đoạn quy hoạch.

- Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang cấp vùng huyện, phù hợp với định hướng quy hoạch cấp trên.

f) Đánh giá tác động môi trường chiến lược:

- Các nội dung yêu cầu nghiên cứu cần thực hiện theo Mục g, Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Đánh giá các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường do quy hoạch tạo ra. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường.

8. Hồ sơ sản phẩm:

Thành phần và nội dung hồ sơ quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Danh mục hồ sơ quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

8.1. Hồ sơ bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ
01	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	Thích hợp
02	Bản đồ hiện trạng vùng	1/25.000
03	Bản đồ phân vùng quản lý phát triển	1/25.000
04	Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng	1/25.000
05	Bản đồ định hướng chuẩn bị kỹ thuật	1/25.000
06	Bản đồ định hướng giao thông	1/25.000
07	Bản đồ định hướng hệ thống điện và cung cấp năng lượng	1/25.000
08	Bản đồ định hướng cấp nước	1/25.000
09	Bản đồ định hướng thoát nước, xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang	1/25.000
10	Bản đồ định hướng hạ tầng viễn thông thụ động	1/25.000

8.2. Phần văn bản:

- Tờ trình xin phê duyệt, dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch và văn bản pháp lý có liên quan.

- Thuyết minh tổng hợp + các phụ lục, văn bản pháp lý liên quan kèm theo bản vẽ A3; Quy chế quản lý kiến trúc (theo đồ án quy hoạch).

- Hồ sơ được thành lập gồm 07 bộ.

9. Dự toán kinh phí lập quy hoạch:

Kinh phí thực hiện (tạm tính): **2.226.817.000 đồng** (Hai tỷ, hai trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm mười bảy nghìn đồng). Bao gồm:

- + Chi phí mua bản đồ địa hình 1/25.000: 11.400.000 đồng;
- + Chi phí lập đồ án quy hoạch: 1.786.532.000 đồng;
- + Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch: 105.106.000 đồng;
- + Chi phí khác: 323.779.000 đồng.

10. Tổ chức thực hiện:

10.1. Thời gian lập đồ án quy hoạch: 12 tháng kể từ khi nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

10.2. Lấy ý kiến về quy hoạch: Chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn phối hợp với chính quyền địa phương lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư có liên quan trong khu vực quy hoạch theo quy định hiện hành.

10.3. Thời gian thẩm định: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ quy hoạch trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

10.4. Công bố quy hoạch được duyệt: Chủ đầu tư phối hợp với Sở Xây dựng và các ban ngành, địa phương liên quan công bố quy hoạch sau khi đồ án quy hoạch được phê duyệt..

10.5. Phân công trách nhiệm:

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Nghệ An;
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Kỳ Sơn;
- Cơ quan lập quy hoạch: Lựa chọn theo quy định pháp luật.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn tổ chức triển khai thực hiện lập quy hoạch theo đúng quy định tại Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, đảm bảo mục tiêu đầu tư, chất lượng, tiến độ thực hiện, tiết kiệm chi phí và đạt được hiệu quả đồ án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký:

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Kỳ Sơn; các tổ chức, cá nhân có liên quan và Chủ đầu tư đồ án quy hoạch căn cứ Quyết định thi hành./ //

Nơi nhận: *Đbn*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PVP CN, NN UBND tỉnh;
- Các phòng CN, NN, KT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh